TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 3 - 2021
V/v: Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Ngọc Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Tô Ngọc L**. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2/ Bị đơn: Anh **Thạch Văn T**. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020, nguyên đơn chị Tô Ngọc L trình bày: Vào năm 2007, chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, chị và anh Thạch Văn T có 01 con chung tên Thạch T1, sinh ngày 31/10/2008.

Thời gian đầu, chị và anh Thạch Văn T chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thạch Văn T thường xuyên uống rượu, bia , về nhà đập phá đồ đạc trong nhà, nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh Thạch Văn T đã không còn sống chung từ năm 2013 đến nay.

Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh Thạch Văn T đã không còn chung sống thời gian dài. Do đó, chị Tô Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Thạch Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị đồng ý giao con chung tên Thạch T1, sinh ngày 31/10/2008 cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thạch Văn T: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Thạch Văn T, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Thạch Văn T vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.Tuy nhiên, bị đơn anh Thạch Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh T không được pháp luật công nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Ngọc L, không công nhận chị L và anh T là vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Tại phiên tòa, chị Tô Ngọc L thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thạch T1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Thạch Văn T cấp dưỡng nuôi con, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Tô Ngọc L là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu

nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cháu Thạch T1 đều trình bày là có nguyện vọng được sống chung với mẹ, với lý do chị L chăm sóc cho cháu tốt hơn, còn anh T thì thường đi nhậu, không chăm sóc cho cháu, đồng thời chị L cũng có công việc và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L giao cháu Thạch T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Thạch Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Tô Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Thạch Văn T là vợ chồng; Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Thạch T1 cho anh Thạch Văn T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1, 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa chị Tô Ngọc L thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch T1, sinh ngày 31/10/2008 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Thạch Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị L là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn anh Thạch Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Thạch Văn T.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Tô Ngọc L và bị đơn anh Thạch Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chị L, anh T không có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác nhận tại giấy xác nhận số

167/XN.HT ngày 07/10/2020. Như vậy, chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh, chị không được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, giữa chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T phát sinh nhiều mâu, hai người đã không còn chung sống từ năm 2013 đến nay đã 8 năm nên chị Tô Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Thạch Văn T là vợ chồng. Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Thạch Văn T đều vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Ngọc L về việc yêu cầu Tòa án không công nhận chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T có 01 con chung tên Thạch T1, sinh ngày 31/10/2008. Tại phiên tòa chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch T1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Tô Ngọc L có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, đồng thời cháu Thạch T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ với lý do chị L đi làm có tiền để nuôi cháu ăn học, chị L chăm sóc cho cháu tốt hơn, còn anh Thạch Văn T thì thường đi nhậu, không chăm sóc cho cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Ngọc L, giao cháu Thạch T1 cho chị Tô Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Thạch Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tô Ngọc L không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Tô Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1,7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tô Ngọc L và anh Thạch Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Thạch T1, sinh ngày 31/10/2008 cho chị Tô Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh Thạch Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tô Ngọc L không yêu cầu.

Anh Thạch Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tô Ngọc L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005286 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, chị Tô Ngọc L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thủy Lam